TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 246/2019/HC-PT
Ngày: 14 - 5 - 2019
V/v khiếu kiện: "Quyết định quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 520/2018/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2018 về khiếu kiện "Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2018/HC- ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 550/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Tạ Văn Đ, sinh năm 1938 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh L3.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phan Hồng N, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: 161A/3A đường L2, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 18/9/2017)

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L4 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3 (Văn bản ủy quyền số 2194/UBND-NCTCD ngày 28/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3) (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn S – Phó trưởng phòng Phòng Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L3 (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L3.

3. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Đ1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L3 (Văn bản ủy quyền số 1662/UBND-TNMT ngày 10/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C) (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Văn T– Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên môi trường huyện C, tỉnh L3 (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn H;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh L3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm An D, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: 66/1B đường C1, Phường 4, thành phố T1, tỉnh L3 (Giấy ủy quyền ngày 25/7/2018).

- *Người kháng cáo:* Ông Tạ Văn Đ là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện do bà Phan Hồng N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2007, ông Tạ Văn Đ bị Nhà nước thu hồi phần đất thửa 1632 và thửa 1404, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh L3. Sau khi nhận tiền bồi thường theo Quyết định bồi thường 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C (UBND huyện C), ông Đ phát hiện đơn giá áp dụng cho phần diện tích bị thu hồi của ông không đúng theo đơn giá đã nêu tại Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 204/PA.TTDV ngày 03/10/2017 do Trung tâm Dịch vụ tư vấn nhà đất tỉnh L3 lập.

Ngày 07/3/2013, ông Đ khiếu nại yêu cầu được áp giá bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất mà Nhà nước thu hồi có vị trí 50m đầu tiếp giáp bờ kênh với diện tích 1.421m^2, loại đất thổ thuộc thửa đất số 1632; diện tích 2.691m^2 loại đất lúa thuộc thửa đất số 1404 theo đơn giá: đất thổ là 300.000đ/m^2 và đất nông nghiệp là 85.000đ/m^2 theo Phương án 204. Ngày 17/8/2016, Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định 5749/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C

đồng thời bác đơn khiếu nại của ông Đ. Ngày 12/9/2016, ông Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3 (Chủ tịch UBND tỉnh L3). Ngày 19/4/2017, Chủ tịch UBND tỉnh L3 ban hành Quyết định 1390/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại của ông Đ và giữ nguyên Quyết định 5749.

Nhận thấy, đất ông Đ bị thu hồi nằm trong phạm vi 50m đầu tiếp giáp bờ Kênh Bến Đá. Kênh Bến Đá là công trình thủy lợi do huyện quản lý được đào từ năm 1978 được Phòng nông nghiệp huyện C xác nhận. Vì vậy việc Ủy ban nhân dân huyện C áp giá theo Quyết định bồi thường 13332 là không đúng quy định nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C, Quyết định 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản trình bày:

Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh L3 về việc triển khai kê biên bồi thường đất và tài sản trên đất để giao cho Công ty TNHH H đầu tư Cụm công nghiệp. Ngày 03/10/2007, Trung tâm Dịch vụ tư vấn nhà đất tỉnh L3 lập Phương án số 204/PA.TTDV về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thu hồi đất giao cho Công ty TNHH H xây dựng Cụm công nghiệp tại xã L1. Ngày 18/10/2007, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 10748/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư . Ngày 08/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 12966/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa 1632 và 1404, tờ bản đồ số 2 của ông Tạ Văn Đ để giao cho Công ty TNHH H đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp. Ngày 09/11/2007, UBND huyện ban hành Quyết định 13332/QĐ-UBND về việc bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với ông Tạ Văn Đ số tiền 529.886.775đ và ngày 14/3/2008 ông Đ đã nhận số tiền bồi thường này. Ngày 12/11/2015, Trung tâm Dịch vụ tư vấn nhà đất tỉnh L3 lập Phương án số 339/PA.TTDV để điều chỉnh phương án 204. Ngày 25/02/2016, UBND huyện ban hành Quyết định 1107/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Phương án 204.

Ủy ban nhân dân huyện xét thấy theo bản đồ địa chính năm 1994, tỷ lệ 1/5000 và bản đồ địa chính năm 2009, tỷ lệ 1/2000, theo kết quả kiểm tra hiện trạng thực tế xác định thửa đất số 1632, 1404 của ông Đ không tiếp giáp bờ kênh mà tiếp giáp kênh. Hơn nữa Quyết định 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh L3 phê duyệt đơn giá bồi thường thiệt hại về đất chỉ thể hiện đơn giá bồi thường đất ở, đất nông nghiệp 50m đầu có vị trí tiếp giáp, không có vị trí tiếp giáp đường giao thông nông thôn lớn hơn hoặc bằng 3m có trải sỏi đỏ. Do đó việc UBND huyện C ban hành Quyết định 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất cho ông Đ là đúng theo trình tự, quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn Đ.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân tỉnh L3 có văn bản trình bày:

Ông Đ khiếu nại yêu cầu được áp giá bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất mà Nhà nước thu hồi giao cho Công ty TNHH H đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp tại xã L1 có vị trí tiếp giáp bờ kênh, với diện tích 1.421m^2, loại đất thổ thuộc thửa 1632 và diện tích 2.691m^2, loại đất lúa thuộc thửa 1404 theo đơn giá 300.000đ/m^2 đối với đất thổ và 85.000đ/m^2 đối với đất nông nghiệp theo Phương án 204/PA.TTDV ngày 03/10/2007 của Trung tâm Dịch vụ tư vấn nhà đất tỉnh L3 là không có cơ sở xem xét. Bởi vì theo Bản đồ địa chính năm 1994 có tỷ lệ 1/5000, Bản đồ địa chính năm 2009 chuyển tỷ lệ từ 1/5000 thành 1/2000, kiểm tra thực tế hiện trạng và xác nhận của Phòng TNMT huyện C xác định thửa 1632 và 1404 của ông Đ không có vị trí tiếp giáp bờ kênh.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh L3 khẳng định Quyết định 1390 của Chủ tịch UBND tỉnh L3 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn H do ông Phạm An D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Quyết định 856/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của UBND tỉnh L3 về việc thu hồi đất tại xã L1, huyện C giao cho Công ty TNHH H thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án; tái định cư, dân cư- Tái định cư, nhà ở công nhân Cụm công nghiệp. Căn cứ Quyết định 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh L3 về việc phê duyệt đơn giá bồi thường về đất của dự án. Hộ ông Đ đã nhận tiền bồi thường xong, hỗ trợ tái định cư với hai thửa 1404, 1632, vị trí đất không tiếp giáp bờ kênh Bến Đá vào năm 2008, đến năm 2012 thì huyện Cần Giờ thi công mở rộng bờ kênh Bến Đá (nằm bên kia đất ông Đ). Hộ ông Đ nhận thấy bờ kênh mở rộng và lưu thông thuận lợi nên phát sinh khiếu nại về vị trí đất tiếp giáp bờ kênh Bến Đá. Đề nghị Tòa án không xem xét chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Tại Bản án hành chính số 127/2018/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn Đ về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3:

Quyết định số 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C về việc bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc khu vực Nhà nước thu hồi đất giao cho Công ty TNHH H đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp và Khu tái định cư trên địa bàn xã L1 đối với ông Tạ Văn Đ ban hành đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Tạ Văn Đ ban hành đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 1390/QĐUBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Tạ Văn Đ (do bà Phan Hồng N đại diện theo ủy quyền) ban hành đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/9/2018, ông Tạ Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông thu hồi và hủy Quyết định số 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 1390/QĐUBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3. UBND huyện C, tỉnh L3 ra Quyết định bồi thường và hỗ trợ tái định cư công nhận phần diện tích đất đã bị thu hồi của ông nằm trong phần diện tích 50 m đầu tiếp giáp bờ kênh theo đơn giá bồi thường mới nhất đã chi trả cho các hộ dân có cùng vị trí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Văn Đ vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3 có ông Trần Văn S trình bày: Bản án sơ thẩm xét xử có cơ sở. Ông Đ nói đất của ông Đ tiếp giáp Bờ kênh nhưng thực tế không có tiếp giáp Bờ kênh. Việc thẩm định tại chỗ đã thể hiện rõ đất của ông Đ không tiếp giáp Bờ kênh . Dự án có rất nhiều hộ bị ảnh hưởng. Dự án đã hoàn thành, người dân nhận tiền bồi thường đầy đủ. Ông Đ cũng nhận tiền bồi thường đầy đủ, sau đó do có mở rộng đường ở phía bên kia, không phải đất của ông Đ, ông Đ mới đi khiếu nại vì đất tiếp giáp Bờ kênh được hỗ trợ thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của* ông Tạ Văn Đ *:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Ông Đ bị thu hồi thửa đất 1632 và 1404. Việc bồi thường đất theo đất thực tế tại thời điểm thu hồi. Việc bồi thường của UBND huyện C đối với ông Tạ Văn Đ là có

lợi cho ông Đ. Ông Đ đã nhận tiền bồi thường. Án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông Tạ Văn Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*: Ông Tạ Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 1390/QĐUBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3 là Quyết định hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân dân tỉnh Long An thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Văn Đ đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông thu hồi và hủy Quyết định số 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 1390/QĐUBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3. UBND huyện C, tỉnh L3 ra Quyết định bồi thường và hỗ trợ tái định cư công nhận phần diện tích đất đã bị thu hồi của ông nằm trong phần diện tích 50 m đầu tiếp giáp bờ kênh theo đơn giá bồi thường mới nhất đã chi trả cho các hộ dân có cùng vị trí.

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

Quyết định số 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C; Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định số 1390/QĐUBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3 được ban hành đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 31, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật khiếu nại.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] UBND tỉnh L3 ban hành Quyết định 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 về việc phê duyệt đơn giá bồi thường thiệt hại về đất để thu hồi giao cho Công ty TNHH H đầu tư, UBND huyện C ban hành Quyết định 10748 phê duyệt phương án 204/PA.TTDV-PNV ngày 03/10/2007 của Trung tâm dịch vụ tư vấn nhà đất L3.

Trong Quyết định 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 về việc phê duyệt đơn giá bồi thường thiệt hại về đất để thu hồi giao cho Công ty TNHH H đầu tư không thể hiện vị trí cặp bờ kênh sẽ được bồi thường mức cao hơn mà chỉ thể hiện vị trí đất nông nghiệp được chia thành các loại 50m đầu tiếp giáp đường giao thông nông thôn, không có vị trí tiếp giáp đường nhưng nằm trong 50m, từ sau mét thứ 50 trở vào bên trong thì chia thành 4 hạng để có mức bồi thường khác nhau. Do đó, việc người khởi kiện cho rằng có quy định đất nằm cặp bờ kênh giá cao hơn là không có căn cứ. Hơn nữa, việc điều chỉnh từ ngữ từ "50m đầu tiếp giáp bờ kênh điều chỉnh thành từ sau mét thứ 50m trở vào và bên trong" cho phù hợp với Quyết định 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh L3 bằng Phương án 339 của Trung tâm dịch vụ tư vấn nhà đất ngày 12/11/2015 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Cụm công nghiệp - Khu tái định cư, điều chỉnh theo Quyết định 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh L3. Ngày 25/02/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định 1107/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Phương án 204.

[2.2.2] Phần đất bị thu hồi của ông Tạ Văn Đ ở thửa 1632 (loại đất thổ) và thửa 1404 (loại đất nông nghiệp) có vị trí đất trong phạm vi 50m đầu tiếp giáp kênh Bến Đá (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, có các bên đương sự ký xác nhận), tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận. Như vậy theo Phương án điều chỉnh 339 thì đối với 50m đầu tiếp giáp bờ kênh nay điều chỉnh thành "Từ sau mét thứ 50 trở vào và bên trong" thì đơn giá bồi thường đất thổ là 140.000đ/m2 (thửa 1632) và đất nông nghiệp hạng 2 là 70.000đ/m2 (thửa 1404) là phù hợp với Quyết định phê duyệt 1114/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh L3. Việc người khởi kiện cung cấp bảng chiết tính của ông Thái Văn S1 đối với thửa 185, 438, 445 293 và 294 nhưng hồ sơ và bản đồ địa chính đều không thể hiện đất ông S1 nằm cùng vị trí với ông Tạ Văn Đ nên không có căn cứ xem xét chấp nhận lời trình bày của bà N đại diện theo ủy quyền của ông Đ. Ngoài ra, tại Quyết định thu hồi đất số 12966/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 cũng nêu rõ thu hồi 4.112m^2 đất của ông Đ đối với các thửa 1632 và 1404 thì đã nêu rõ "Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo trích lục bản đồ địa chính do Phòng Tài nguyên và môi trường lập ngày 25/10/2007". Vị trí, ranh giới thửa đất của ông Đ chỉ được thể hiện tiếp giáp đường nước công cộng và việc xác định này phù hợp với bản đồ địa chính ngày 16/4/2008 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh L3 xác lập thể hiện đất của ông Đ chỉ giáp đường nước công cộng. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 13332 bồi thường cho ông Tạ Văn Đ là hoàn toàn đúng quy định cho dù đất ông Đ có vị trí tiếp giáp bờ kênh hay không tiếp giáp bờ kênh. Quyết định 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C ban hành đúng quy định của pháp luật.

[2.2.3] Đối với Quyết định 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Quá trình xem xét khiếu nại có thẩm tra, có tổ chức đối thoại. Ông Tạ Văn Đ khiếu nại nhưng không chứng minh được UBND

huyện C áp giá bồi thường đối với vị trí đất của ông Tạ Văn Đ không đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện C bác đơn khiếu nại của ông Đ là có cơ sở. Quyết định 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành đúng quy định của pháp luật.

[2.2.4] Đối với Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3: Ông Đ không đồng ý quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nên tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3 là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. Khi thụ lý đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh L3 cũng đã thẩm tra và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai. Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3 công nhận và giữ nguyên Quyết định 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng theo quy định.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ. Ông Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đ, như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí: Người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 2 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Tạ Văn Đ. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 127/2018/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về phần án phí.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn Đ về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L3 gồm có: Quyết định số 13332/QĐ-UBND ngày 09/11/2007 của UBND huyện C về việc bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc khu vực Nhà nước thu hồi đất giao cho Công ty TNHH H đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp và Khu tại định cư trên địa bàn xã L1; Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1390/QĐUBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L3 về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) ông Tạ Văn Đ phải chịu, ông Đ đã nộp xong.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Tạ Văn Đ được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Tạ Văn Đ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001341 ngày 08/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tạ Văn Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Tạ Văn Đ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000079 ngày 05/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long A (1);
- Cục THADS tỉnh Long A (1);
- Đương sự (4)
- Lưu VP (3), HS (2), (15b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương